

KẾ HOẠCH

Ôn tập kiến thức trong thời gian nghỉ học phòng chống dịch viêm phổi cấp do virus corona

1. Mục tiêu

- Giúp học sinh củng cố, ôn tập kiến thức đã học trong thời gian nghỉ học phòng chống dịch viêm phổi cấp do virus Corona.

2. Đối tượng

- Toàn bộ học sinh đang tham gia học chương trình iSMART tại nhà trường.

3. Thời gian ôn tập

- Tuần từ 24/2 đến 28/2/2020.

4. Hình thức ôn tập

Học sinh ôn tập trên 2 hình thức:

- ✓ Hình thức 1: ISMART gửi phiếu ôn tập đến nhà trường qua email, nhà trường gửi đến Quý phụ huynh và học sinh.
- ✓ Hình thức 2: ISMART gửi đường link Bài ôn tập trực tuyến. Học sinh làm theo hướng dẫn:

- Bước 1: Bấm vào đường link:

Science 6: <https://forms.gle/uYFjVMP2imip7KkNA>

Math 6: <https://forms.gle/usdjHNxqadxPYxsF6>

Math 7: <https://forms.gle/uBZUH1sEtpRg4yKD8>

Science 7: <https://forms.gle/7CTSQtYWbH388cg39>

Math 8: <https://forms.gle/yca3d3Jp66iZV8LQ8>

Science 8: <https://forms.gle/TFATmT3aaEZ5vgFGA>

- Bước 2: Nhập họ và tên đầy đủ, tên lớp, tên trường.
- Bước 3: Bắt đầu làm bài
- Bước 4: ISMART tổng hợp kết quả và báo cáo nhà trường.

5. Nội dung ôn tập

- Nội dung ôn tập của tuần từ 24/2 đến 28/2/2020 cụ thể như sau:

Khối 6

Subject Môn học	Unit/ Main topic Chương/ Chủ đề	Objectives Mục tiêu bài học	Language items Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm
Maths 6 TA Toán 6	Unit 2 – Powers Chương 2 – Lũy thừa	<ul style="list-style-type: none"> - Understand the concept of power (<i>Hiểu được được định nghĩa về lũy thừa</i>) - Know and use the power notation (<i>Nhận biết và sử dụng ký hiệu của lũy thừa</i>) - Understand and be able to use the three rules of power of the same base (<i>Hiểu và sử dụng được 3 quy tắc của lũy thừa cùng một cơ số</i>) - Understand the order of operations with and without brackets (<i>Hiểu được thứ tự thực hiện các phép toán có ngoặc hoặc không có ngoặc</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - ... squared (... bình phương) - ... cubed (... lập phương) - ... to the power of ... (... mũ ...) power (index), base, squared, cubed (<i>Lũy thừa, số mũ, cơ số, lũy thừa bậc 2, lũy thừa bậc 3</i>) round/ square/ curly brackets (<i>Ngoặc tròn/ vuông/ nhọn</i>)
Science 6 TA Khoa học 6	Unit 2 – Measurement Chương 2 – Đo lường	<ul style="list-style-type: none"> - Learn the units of length (<i>Học về đơn vị đo độ dài</i>) - Be able to convert between units (<i>Chuyển đổi được giữa các đơn vị đo lường</i>) - Learn the units of volume (<i>Học về đơn vị đo lường thể tích</i>) - Be able to convert between units (<i>Chuyển đổi được giữa các đơn vị đo lường</i>) - Learn the units of mass (<i>Học về đơn vị đo khối lượng</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - measure, length, kilometre, metre, centimetre, millimetre (<i>đo lường, độ dài, ki-lô-mét, mét, xen-ti-mét, mi-li-mét</i>) - volume, liquid, solid, kilolitre, litre, millilitre, graduated cylinder, immersion, regular/irregular solid (<i>Thể tích, chất lỏng, chất rắn, kilo-lít, lít, mi-li-lít, bình chia độ, sự nhúng chìm, chất rắn định hình/không định hình</i>) - balance, mechanical scale, digital scale, mass, tonne, kilogram, gram, milligram (<i>cái cân, cân cơ học, cân điện tử, kilôgam, gam, miligam</i>)

Subject Môn học	Unit/ Main topic Chương/ Chủ đề	Objectives Mục tiêu bài học	Language items Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm
		- Be able to convert between units (<i>Chuyển đổi được giữa các đơn vị đo lường</i>)	<i>khối lượng, tấn, ki-lô-gam, gam, mi-li-gam.</i>

Khối 7

Subject Môn học	Unit/ Main topic Chương/ Chủ đề	Objectives Mục tiêu bài học	Language items Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm
Maths 7 TA Toán 7	U2 – Lines and Angles (<i>Chương 2: Đường thẳng và góc</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Understand the concepts of parallel lines, perpendicular lines (<i>Nắm được khái niệm của đường thẳng song song và đường thẳng vuông góc</i>) - Understand the concepts of vertically opposite angles, straight angle, right angle (<i>Nắm được khái niệm của góc đối đỉnh, góc bẹt và góc vuông</i>) - Understand the concepts of different angle relationships: alternate, corresponding, co-interior, adjacent, complementary and supplementary (<i>Hiểu được các khái niệm và mối quan hệ giữa các góc: góc so le, góc đồng vị, góc trong cùng phía, góc kề, góc phụ và góc bù</i>) 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Line ... and line ... are parallel / perpendicular. (Đường thẳng ... và đường thẳng ... là 2 đường song song/vuông góc)</i> - <i>... is a straight angle. (... là góc bẹt)</i> - <i>... is a right angle. (... là góc vuông)</i> - <i>... are vertically opposite angles. (... là các góc đối đỉnh)</i> parallel lines, perpendicular lines, vertically opposite angles, straight angle, right angle (<i>đường thẳng song song, đường thẳng vuông góc, góc đối đỉnh, góc bẹt, góc vuông</i>) - <i>... are alternate / corresponding / co-interior / adjacent / complementary / supplementary angles. (Các góc ... là các góc so le/đồng vị/góc trong cùng phía/góc kề/góc phụ/góc bù)</i> alternate, corresponding, co-interior, adjacent, complementary, supplementary (<i>Góc so le, góc đồng vị, góc trong cùng phía, góc kề, góc phụ, góc bù</i>)

Subject Môn học	Unit/ Main topic Chương/ Chủ đề	Objectives Mục tiêu bài học	Language items Từ vựng/ cấu trúc trọng tâm
Science 7 TA Khoa học 7	Animals and plants (Chương 2: Động vật và thực vật)	<ul style="list-style-type: none"> - Determine the common differences between plants and animals (Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa thực vật và động vật) - Review the different components in plant cell and animal cell (Ôn tập lại những thành phần cấu tạo nên tế bào thực vật và động vật) - Know different adaptations of different animals (Nắm được cách thích nghi của các loài động vật khác nhau) - Describe the specific adaptations in features of different plants in their habitats (Miêu tả những đặc tính thích nghi của các loài thực vật khác nhau trong môi trường sống) 	<ul style="list-style-type: none"> - plants, animals, stationary, starch, organic nutrient, photosynthesis, carbon dioxide, fat, glycogen, oxygen, xylem, phloem, blood vessel, consume, chloroplast (thực vật, động vật, đứng im, tinh bột, chất dinh dưỡng hữu cơ, quang hợp, khí các-bon, chất béo, chất glycogen, khí oxi, mạch gỗ, mạch rây, mạch máu, hấp thụ, lục lạp) - live in groups, fly, camouflage, hibernate, store water, reptile, predator, deer, eagle, leaf-tailed gecko, grizzly bear, camel (sống theo bầy đàn, bay, ngụy trang, ngủ đông, tích trữ nước, bò sát, thú săn mồi, nai, đại bàng, tắc kè đuôi lá, gấu xám, lạc đà) - cactus, lotus, desert, hot and dry, lake, river, wet, spike, waxy coated (cây xương rồng, hoa sen, sa mạc, nóng và khô, hồ, sông, ướt, gai, phủ sáp)

Trên đây là kế hoạch ôn tập cho học sinh đang tham gia học chương trình iSMART tuần từ 24/2 đến 28/2.

Kính mong Quý trường gửi thông tin đến Phụ huynh học sinh để nắm thông tin và hỗ trợ học sinh ôn tập. Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý trường!